

表2-4

## 112學年度第2學期 黎明技術學院 電機工程系國際產學專班每週上課時間表

## 填表說明:

1. 請填寫校內課程、校外實習替代課程（含授課教師及教室地點）。
2. 全學期實習之班級，僅需填寫校外實習替代課程（含授課教師及教室地點）。
3. 若後續有更動上課時間請提供更修改後的課表及會議紀錄予評鑑中心。

實際上課起訖日期:113年02月26日~113年06月30日 (必填)							
時間	週一	週二	週三	週四	週五	週六	週日
第一節課 08:30-09:20			華語文(二)00895 Tiếng Trung (2) 呂智勇 J807	微積分01490 Vi tích phân 蕭淵元 F402			
第二節課 09:25-10:15			華語文(二)00895 Tiếng Trung (2) 呂智勇 J807	微積分01490 Vi tích phân 蕭淵元 F402			
第三節課 10:25-11:15	計算機程式01493 Lập trình máy tính 洪啟煌 D201	體育二00894 Thể dục (2) 李書維	華語文(二)00895 Tiếng Trung (2) 呂智勇 J807	華語文(二)00895 Tiếng Trung (2) 呂智勇 J807			
第四節課 11:20-12:10	計算機程式01493 Lập trình máy tính 洪啟煌 D201	體育二00894 Thể dục (2) 李書維	華語文(二)00895 Tiếng Trung (2) 呂智勇 J807	華語文(二)00895 Tiếng Trung (2) 呂智勇 J807			
午休時間							
第六節課 13:20-14:10		華語文(二)00895 Tiếng Trung (2) 呂智勇 J807	自來水配管實習(二)01491 Thực hành nối ống nước (2) 吳育群 F501	基本電學實習二01492 Điện cơ bản 洪啟煌 F402			
第七節課 14:20-15:10		華語文(二)00895 Tiếng Trung (2) 呂智勇 J807	自來水配管實習(二)01491 Thực hành nối ống nước (2) 吳育群 F501	基本電學實習二01492 Điện cơ bản 洪啟煌 F402			
第八節課 15:20-16:10		華語文(二)00895 Tiếng Trung (2) 呂智勇 J807	自來水配管實習(二)01491 Thực hành nối ống nước (2) 吳育群 F501	基本電學實習二01492 Điện cơ bản 洪啟煌 F402			
第九節課 16:15-17:05		華語文(二)00895 Tiếng Trung (2) 呂智勇 J807	華語輔導課 Phụ đạo tiếng Trung 呂智勇 F107				
第十節課 17:10-18:00		華語輔導課 Phụ đạo tiếng Trung 呂智勇 J807	華語輔導課 Phụ đạo tiếng Trung 呂智勇 F107				
第十一節課 18:10-18:55		華語輔導課 Phụ đạo tiếng Trung 呂智勇 J807	華語輔導課 Phụ đạo tiếng Trung 呂智勇 F107				
第十二節課 18:55-19:40							
第十三節 19:45-20:30							